|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /BC-BCT | *Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2016* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP   
VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2016**

**PHẦN THỨ NHẤT**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG  
THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

**I. Về sản xuất công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng. Tháng 11 năm 2016, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 2% so với tháng trước và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2015.

Tính chung 11 tháng năm 2016, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,3%, thấp hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước tăng 9,7%) chủ yếu do sự sụt giảm của ngành khai khoáng (giảm 6,3%). Trong khi đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và sản xuất phân phối điện có mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm trước lần lượt là 11% và 12% (cùng kỳ là 10,1% và 11,5%).

Tình hình tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, duy trì tăng trưởng nhưng ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2016. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10 tăng 2,9% so với tháng 9 và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2015. Tính chung 10 tháng đầu năm 2016, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ năm 2015 tăng 12,8%).

Tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2015. Tại thời điểm 01/11/2016, chỉ số tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo tăng 8,8% (thấp hơn 0,9 điểm phần trăm của cùng thời điểm năm 2015).

Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2016 chưa có dấu hiệu cải thiện nhiều, mức tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2015 (thấp hơn 2,4 điểm phần trăm). Nguyên nhân sự tăng trưởng chậm lại của sản xuất công nghiệp: (i) chủ yếu do giá dầu giảm, dẫn đến sản lượng dầu thô khai thác giảm mạnh (11 tháng giảm 10%); (ii) sản xuất than giảm do gặp nhiều khó khăn trong khai thác và tiêu thụ sản phẩm (11 tháng giảm 0,3%); (iii) do cầu tiêu dùng cả trong và ngoài nước tăng trưởng chậm lại giá hàng hóa xuất khẩu ở mức thấp không khuyến khích sản xuất (chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 10 tháng giảm 3,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2015).

Tuy nhiên, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm 2015 cho thấy tín hiệu tích cực trong sản xuất công nghiệp, đây sẽ là yếu tố đóng góp vào tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành. Đánh giá cụ thể ở một số ngành như sau:

***1. Đối với ngành điện***

Ngành điện tiếp tục tăng trưởng khá so với cùng kỳ, ngành đã nỗ lực đảm bảo hệ thống điện quốc gia vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện cho các hoạt động văn hoá xã hội, sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trong mùa mưa bão. Ngành tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn và lưới điện, đảm bảo đưa vào vận hành theo đúng tiến độ đề ra.

Sản lượng điện sản xuất tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước, điện sản xuất tháng 11 ước đạt 14,7 tỷ kWh, tăng 13,1% so với cùng kỳ; tính chung 11 tháng ước đạt 161,3 tỷ kWh tăng 11,85% so với cùng kỳ.

***2. Đối với ngành than***

Sản xuất kinh doanh của ngành tiếp tục gặp nhiều khó khăn do than trong nước phải cạnh tranh với than nhập khẩu có giá thành thấp, giá bán khoáng sản (alumin, hydrat) giảm sâu và thuế tài nguyên than điều chỉnh tăng thêm 3% từ 01/7/2016 (hầm lò tăng từ 7% lên 10%, lộ thiên tăng từ 9% lên 12%, làm giá thành than năm 2016 tăng khoảng 700 tỷ đồng)... đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành. Các đơn vị trong ngành đang tiếp tục cố gắng duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Sản lượng than sạch tháng 11 ước đạt 3,61 triệu tấn, giảm 4,3% so với cùng kỳ, tính chung 11 tháng đầu năm ước đạt 37,39 triệu tấn, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước.

***3. Đối với ngành dầu khí***

Sản xuất kinh doanh của ngành tiếp tục gặp nhiều khó khăn và chưa thấy dấu hiệu phục hồi, sản lượng dầu thô khai thác tiếp tục giảm do giá dầu thô vẫn duy trì ở mức thấp. Sản lượng dầu thô khai thác tháng 11 ước đạt 1,19 triệu tấn, giảm 15,6% so với cùng kỳ năm trước, tính chung 11 tháng đầu năm sản lượng dầu thô khai thác ước đạt 13,93 triệu tấn, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đang tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch được giao.

***4. Đối với ngành cơ khí***

Tháng 11 năm 2016, sản lượng xe máy ước đạt 322,2 nghìn cái, tăng 15,2% so với cùng kỳ; sản lượng ôtô ước đạt 23,5 nghìn cái, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 11 tháng đầu năm, sản lượng xe máy ước đạt 2.994,5 nghìn cái, tăng 2,3% so với cùng kỳ; sản lượng ô tô ước đạt 217,1 nghìn cái, tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đối với ngành sản xuất xe có động cơ, theo thông lệ thị trường, thời điểm cuối năm lượng tiêu thụ thường tăng, do đó, sản xuất có xu hướng tăng để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ.

***5. Đối với ngành thép***

Tháng 11 năm 2016, lượng sắt thép thô ước đạt 466,5 nghìn tấn, tăng 33,9% so với cùng kỳ; lượng thép cán ước đạt 511,9 nghìn tấn, tăng 28,9% so với cùng kỳ; lượng thép thanh, thép góc ước đạt 385,6 nghìn tấn, giảm 1,4% so với cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2016, lượng sắt thép thô đạt 4.657,8 nghìn tấn, tăng 20,2% so với cùng kỳ; thép cán đạt 4.798,4 nghìn tấn, tăng 25,9% so với cùng kỳ; thép thanh, thép góc đạt 4.255,9 nghìn tấn, tăng 9,4% so với cùng kỳ.

Nhập khẩu thép các loại từ các thị trường trong tháng 11 tăng 28,9% về lượng và 46% về trị giá. Tính chung 11 tháng đầu năm 2016, nhập khẩu thép các loại tăng 23,4% về lượng và 7,4% về trị giá, tuy nhiên nhập khẩu sản phẩm từ thép giảm 24,2% về trị giá.

Tình hình xuất khẩu sắt thép của Việt Nam vào thị trường các nước ASEAN có sự sụt giảm do bị cạnh tranh gay gắt bởi thép Trung Quốc, các nước ASEAN tăng cường sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại, dựng rào cản liên quan đến hành chính, thủ tục xuất nhập khẩu phức tạp hơn…

Trong nước, nhu cầu xây dựng đang ở trạng thái tốt nên lượng thép dài sản xuất và tiêu thụ vẫn giữ được mức sản lượng khá cao.Tỷ lệ tăng trưởng mạnh về cả bán hàng và sản xuất các sản phẩm thép trong 11 tháng đầu năm 2016 cho thấy khả năng đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu về các sản phẩm thép xây dựng của các doanh nghiệp trong nước, do đó, giá bán sản phẩm thép vẫn được giữ ổn định.

***6. Đối với ngành hóa chất, phân bón***

Trong các tháng cuối năm 2016, các doanh nghiệp ngành phân bón, hóa chất sẽ đảm bảo cung ứng đủ lượng phân bón nhằm đáp ứng nhu cầu của nông dân khi bước vào vụ Đông Xuân/mùa khô 2016-2017. Theo sát nhu cầu mùa vụ, sản lượng phân bón sẽ được các doanh nghiệp điều chuyển linh hoạt, hợp lý đến hệ thống kho, đại lý từng khu vực, đồng thời phối hợp cùng các cơ quan chức năng thực hiện chương trình hướng dẫn sử dụng phân bón theo hướng hiệu quả, bền vững để luôn đạt được các vụ mùa bội thu.

Sản lượng một số sản phẩm phân bón: 11 tháng đầu năm 2016, ước sản lượng phân đạm urê đạt 1.917 nghìn tấn, giảm 5,5% so với cùng kỳ; phân NPK khoảng 2.031,1 nghìn tấn, giảm 10,5% so với cùng kỳ.

Nhập khẩu phân bón 11 tháng đầu năm 2016 giảm 9,1% về số lượng và 22,4% về trị giá.

***7. Đối với ngành dệt may, da giày***

Trong những năm qua, ngành dệt may, da giày luôn đứng trong top đầu các nhóm, ngành xuất khẩu chủ lực của cả nước, với tổng kim ngạch đạt hàng chục tỷ USD mỗi năm. Tuy nhiên, gần đây, do khó khăn cũng như những biến động về nhu cầu tiêu dùng thế giới khiến cho các đơn hàng xuất khẩu của doanh nghiệp trong ngành liên tục bị sụt giảm.

Trước bối cảnh thị trường xuất khẩu giảm sút, với mức tiêu thụ nội địa tăng trung bình từ 10-15%/năm, thị trường trong nước đang là mục tiêu được các doanh nghiệp nhắm đến. Để chiếm lĩnh thị trường nội địa, các doanh nghiệp trong ngành đã thường xuyên thay đổi cách thức kinh doanh cho phù hợp với thị trường và không ngừng mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc, đem đến cho người tiêu dùng những sản phẩm có chất lượng, không ngừng nâng cao chất lượng và cải thiện giá bán.

Khó khăn từ xuất khẩu cũng đã ảnh hưởng tới tăng trưởng của ngành. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong ngành đang gặp khó khăn bởi tình trạng thiếu đơn hàng; một số đơn hàng số lượng lớn, gia công đơn giản, không yêu cầu chất lượng cao, khách hàng chuyển sang một số nước như Bangladesh, Campuchia... do vậy sản lượng sản xuất vải, dệt, trang phục, giầy dép và một số mặt hàng khác chỉ tăng nhẹ.

***8. Đối với các ngành sản xuất chế biến thực phẩm và đồ uống***

Tháng 11 và 11 tháng năm 2016, sản xuất kinh doanh của ngành cơ bản ổn định. Tính chung 11 tháng đầu năm 2016, chỉ số sản xuất duy trì mức tăng trưởng khá. Ngành sản xuất đồ uống tăng 9,7% so với cùng kỳ; ngành thuốc lá tăng 3,8% so với cùng kỳ; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 9,4% so với cùng kỳ.

Gần vào các tháng cuối năm, theo chu kỳ của thị trường, ngành bia – rượu – nước giải khát có sự tăng trưởng để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ.

**II. Về xuất nhập khẩu**

***1. Về xuất khẩu***

Kim ngạch xuất khẩu tháng 11 năm 2016 ước đạt 15,6 tỷ USD, tăng nhẹ so với tháng trước là 1,3% và tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2015.

Kim ngạch xuất khẩu 11 tháng đầu năm ước đạt 159,5 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 45,4 tỷ USD, tăng 4,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 114 tỷ USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ.

*- Nhóm hàng nông sản, thủy sản:* Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông sản, thủy sản tháng 11 ước đạt 1,9 tỷ USD, tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu 11 tháng năm 2016 ước đạt 20,2 tỷ USD, tăng 7,7%, đây là mức tăng trưởng khá nếu so với cùng kỳ năm trước (11 tháng năm 2015 xuất khẩu của nhóm giảm 7,6%).

Lượng xuất khẩu của nhóm trong 11 tháng có mức tăng trưởng khá, đặc biệt có mặt hàng cà phê và hạt tiêu có lượng tăng hơn 37%; chỉ có 2 mặt hàng có lượng xuất khẩu giảm là gạo (24,2%) và sắn (11,4%) nguyên nhân chủ yếu do tình hình xuất khẩu gạo đang gặp khó khăn và từ nay đến hết năm không có dấu hiệu cải thiện. Với thị trường Trung Quốc, hầu hết doanh nghiệp xuất khẩu chính ngạch không thực hiện xuất khẩu được, vì hiện quota nước này cấp cho các nhà nhập khẩu đầu năm nay đã hết. Thị trường gạo hiện nay chỉ kỳ vọng vào xuất tiểu ngạch đi Trung Quốc và chờ động thái mua thêm từ Philippines.

Mặt hàng thủy sản có mức tăng khá so với cùng kỳ (7,5%), sản lượng thủy, hải sản tăng trưởng tốt. Tình hình thời tiết thuận lợi cho tôm phát triển, bên cạnh đó, giá cá tra đã tăng trở lại do nhu cầu nhập khẩu cá tra từ thị trường Hoa Kỳ, EU, và Trung Quốc tăng.

Nhóm hàng này tuy được lợi về lượng xuất khẩu nhưng lại không được lợi về giá, do giá nông sản thế giới vẫn ở mức thấp. Giá xuất khẩu bình quân trong 11 tháng của hầu hết các mặt hàng đều giảm tương đối sâu (trừ mặt hàng gạo và nhân điều có giá xuất khẩu tăng nhẹ) đã ảnh hưởng đến tăng KNXK của nhóm.

Do sự biến động về lượng xuất khẩu tăng giúp tăng kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng trong 11 tháng là 948 triệu USD, tuy nhiên giá xuất khẩu giảm đã kéo kim ngạch xuất khẩu giảm xấp xỉ 1,4 tỉ USD. Bù trừ giữa tăng/giảm giá và lượng thì kim ngạch xuất khẩu của nhóm 11 tháng giảm khoảng 452 triệu USD so với cùng kỳ.

*- Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản*: Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản tháng 11 ước đạt 288 triệu USD, giảm 0,7% so với tháng trước và giảm 9,6% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu 11 tháng đầu năm ước đạt 3,072 tỷ USD, giảm 32,8% so với cùng kỳ năm 2015.

Lượng xuất khẩu nhóm hàng này liên tục giảm trong một vài năm trở lại đây, do chủ trương giảm xuất khẩu khoáng sản thô và việc dành lượng dầu thô khai thác để phục vụ sản xuất xăng dầu trong nước. Trong tháng trước, giá dầu thô và than đá trên thị trường thế giới đã có mức tăng trưởng mạnh, tuy nhiên, việc giảm lượng xuất khẩu đã khiến kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này không tăng và chỉ đóng góp khoảng 2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Trong nhóm có mặt hàng than đá và dầu thô có lượng và giá đều giảm mạnh, than đá (lượng giảm 38,5%, giá giảm 41,6%); dầu thô (lượng giảm 25,1%, giá giảm 39,7%). Bên cạnh đó, mặt hàng xăng dầu và quặng, khoáng sản khác dù lượng xuất khẩu tăng cao nhưng do giá xuất khẩu giảm tương đối sâu cũng đã cộng hưởng khiến KNXK của nhóm giảm sâu (giảm 32,8%).

Sự sụt giảm mạnh của nhóm đã là nguyên nhân chính kéo kim ngạch xuất khẩu của cả nước giảm. KNXK nhóm nhiên liệu, khoáng sản giảm gần 1 tỉ USD do giá xuất khẩu giảm, giảm 523 triệu USD do lượng xuất khẩu giảm. Tính chung do giảm giá và lượng khiến KNXK của nhóm giảm đến hơn 1,4 tỷ USD so với cùng kỳ.

*- Nhóm hàng công nghiệp chế biến*: Giá xuất khẩu bình quân của các mặt hàng đều giảm mạnh do cầu nhập khẩu của thị trường thế giới vẫn duy trì mức thấp trong khi Trung Quốc dư thừa nguồn cung như phân bón, sắt thép....

Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến tháng 11 ước đạt 12,6 tỷ USD, tăng 2% so với tháng trước và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2015. Tính chung 11 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu nhóm này ước đạt 128 tỷ USD, tăng 9,3% so với cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng thấp so với mức tăng trưởng của năm 2015 (cùng kỳ tăng 16,5%).

Trong nhóm, có 16 mặt hàng có KNXK trên 1 triệu USD, tuy nhiên, các mặt hàng xuất khẩu chính như dệt may, giày dép, đồ gỗ... có mức tăng trưởng thấp hơn nhiều so cùng kỳ đã khiến cho kim ngạch xuất khẩu của nhóm giảm mạnh. Chưa kể đến một số nhóm hàng như: hóa chất, phân bón, sản phẩm chất dẻo, sảm phẩm mây tre cói và thảm xuất khẩu giảm cả về lượng và giá do cầu nhập khẩu giảm và cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm cùng loại với Trung Quốc đã khiến KNXK của nhóm giảm sâu.

***Về cơ cấu thị trường xuất khẩu***

Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất và vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng. Tốc độ tăng KNXK 11 tháng đầu năm vào thị trường này đạt 15%, chiếm tỷ trọng 21,7% tổng KNXK cả nước; Tiếp đến là thị trường EU tăng 9,6% và chiếm tỷ trọng 20,6% tổng KNXK; Thị trường Trung Quốc tăng 26,7%, chiếm tỷ trọng 12,3%. Điều này cho thấy nỗ lực trong các biện pháp giữ vững trọng tâm khai thác các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đang tiếp tục phát huy hiệu quả tốt, cũng như từng bước tận dụng các lợi thế của các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Một số thị trường xuất khẩu truyền thống trong khu vực giảm như ASEAN giảm 6,4%...

***2. Về nhập khẩu***

Kim ngạch nhập khẩu tháng 11 năm 2016 ước đạt 16 tỷ USD, tăng 1% so với tháng trước và tăng 17% so với tháng 11 năm 2015.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2016, kim ngạch nhập khẩu ước khoảng 157 tỷ USD, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 63,8 tỷ USD, tăng 3,4%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 92,8 tỷ USD, tăng 3,6%. Thời điểm này gần với dịp tết dương lịch và tết cổ truyền, các doanh nghiệp bắt đầu tăng nhập khẩu sản phẩm, nguyên liệu đầu vào để sản xuất và kinh doanh nhân dịp tết nên kim ngạch nhập khẩu bắt đầu có mức tăng nhẹ so với các tháng trước.

Một số mặt hàng có mức tăng kim ngạch nhập khẩu cao so với cùng kỳ 2015 là: than đá ước 831 triệu USD, tăng 75,3%; lúa mỳ ước 950 triệu USD, tăng 60,6%; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh ước 724 triệu USD, tăng 46,8%; hạt điều ước 1,51 tỷ USD, tăng 42,4%.

*- Nhóm hàng cần nhập khẩu*, 11 tháng năm 2016 tăng 3,3%, đây là mức tăng nhẹ so với các tháng trước đây và so với cùng kỳ. Mặt hàng nhập khẩu tập trung chủ yếu ở nhóm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, đây là dấu hiệu khả quan cho thấy việc phục hồi sản xuất ở cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

*- Nhóm hàng cần kiểm soát và hạn chế nhập khẩu* có mức tăng trưởng tương đối cao, lần lượt là 14,6% và 10,2%, trong đó tăng cao ở nhóm hàng tiêu dùng rau quả (44,7%), bánh kẹo sản phẩm ngũ cốc (26,5%) và xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi (27,2%)... điều này cũng cần được theo dõi để có biện pháp kiểm soát phù hợp.

Lượng nhập khẩu một số nhóm hàng như nhóm nông sản, khoáng sản, xăng dầu...tăng. Tuy nhiên, giá hàng hóa nhập khẩu hầu hết các mặt hàng đều giảm nên KNNK của nhóm giảm. Trong 20 mặt hàng tính được về giá và lượng thì tác động do giá nhập khẩu giảm đã làm giảm kim ngạch nhập khẩu gần 5,1 tỷ USD, do lượng nhập khẩu tăng đã tăng kim ngạch nhập khẩu 6,2 tỷ USD. Tính chung bù trừ giữa tăng/giảm giá và lượng đã khiến cho KNNK cả nước tăng xấp xỉ 1,2 tỉ USD.

Nhập khẩu của một số mặt hàng là nguyên liệu đầu vào cho gia công xuất khẩu có lượng nhập khẩu tăng dần, do các doanh nghiệp sản xuất bắt đầu tiến hành nhập khẩu nguyên liệu sản xuất chuẩn bị cho các đơn hàng của năm sau. Điều này lý giải cho việc kim ngạch xuất khẩu có mức tăng không đáng kể nhưng kim ngạch nhập khẩu lại tăng hơn so với các tháng trước.

***Về thị trường, nhập khẩu***

Nhập khẩu từ châu Á chiếm 79,8% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất, chiếm 28,5% và giảm 1% so với cùng kỳ. Thị trường Hàn Quốc chiếm 18,4% và tăng 13,2%. Thị trường ASEAN chiếm 13,6% và giảm 1,9%. Thị trường châu Âu và châu Mỹ chiếm xấp xỉ 8%, tốc độ tăng trưởng của thị trường Châu Mỹ tăng nhẹ 2,6% so với cùng kỳ năm trước, thị trường Châu Âu tăng 7,6%.

Qua tình hình nhập khẩu từ các thị trường, có thể nhận thấy Việt Nam đang dần dần từng bước tận dung được các cam kết và các FTAs đã ký kết. Một trong những nội dung quan trọng của FTA là cam kết mở cửa thị trường hàng hóa, loại bỏ phần lớn thuế nhập khẩu. Do vậy, chúng ta từng bước đã giảm dần phụ thuộc từ thị trường Trung Quốc, tận dụng các cam kết với các thị trường tiềm năng mới như Hàn Quốc, EU 27…

Nhập siêu tháng 11 năm 2016 ước khoảng 400 triệu USD. Tính chung 11 tháng, cả nước xuất siêu ước khoảng 2,8 tỷ USD, bằng khoảng 1,8% kim ngạch xuất khẩu.

***Đánh giá tình hình xuất nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2016***

- Kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu tháng 11 đều tăng so với tháng 10, duy trì ở mức cao (xuất khẩu 15,6 tỷ USD và nhập khẩu 16 tỷ USD) tiếp tục kéo mức tăng trưởng tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu các tháng đầu năm so với cùng kỳ 2015 tăng lên. 10 tháng đầu năm 2016, xuất khẩu mới tăng trưởng 7% và nhập khẩu tăng 2,2%; ước tính 11 tháng năm 2016, xuất khẩu đã tăng 7,5% và nhập khẩu tăng 2,5% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, Kim ngạch xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2016 đạt kết quả chưa cao như kỳ vọng. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu nhập khẩu trên thế giới vẫn ở mức thấp, xu hướng bảo hộ gia tăng ở các nước nhập khẩu và sự sụt giảm giá xuất khẩu hàng hóa trên thị trường thế giới. Các yếu tố này đã kìm hãm sự tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu của các nước nói chung, trong đó có Việt Nam.

- Xuất siêu cả nước ước khoảng 2,85 tỷ USD, bằng khoảng 1,8% kim ngạch xuất khẩu, góp phần bảo đảm dự trữ ngoại hối, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Hoạt động xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước khá tích cực, xuất khẩu và nhập khẩu của khối doanh nghiệp này đều có tăng trưởng dương so với cùng kỳ.

- Nhóm hàng nông sản, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng tích cực (7,7%), cao hơn mức tăng trưởng chung tổng kim ngạch xuất khẩu (7,5%) với nhiều mặt hàng tăng mạnh xuất khẩu như rau quả, thủy sản, hạt tiêu, hạt điều, cà phê.

- Kim ngạch nhập khẩu có mức tăng không cao cũng một phần nhờ giá nhập khẩu giảm. Cụ thể, ngoại trừ hạt điều, giá nhập khẩu tất cả các mặt hàng có thống kê lượng đều giảm so với cùng kỳ.

- Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng cần thiết cho sản xuất, tiêu dùng trong nước cũng như các mặt hàng nhập khẩu phục vụ gia công, xuất khẩu của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt mức tương đương hoặc tăng so với cùng kỳ.

**III. Về phát triển thị trường trong nước**

Thị trường hàng hóa tiếp tục diễn biến theo xu hướng ổn định. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tháng 11 năm 2016 ước đạt 302.924 tỷ đồng tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 10,4% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ ước đạt 3.201.464 tỷ đồng, tăng 9,48% so với cùng kỳ năm 2015 (Phụ lục 9).

Công tác quản lý thị trường tiếp tục triển khai quyết liệt, đặc biệt là trong một số lĩnh vực hoặc mặt hàng quan trọng như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, an toàn thực phẩm..., đã góp phần tạo điều kiện cho hàng Việt Nam phát triển. Trong tháng 11, lực lượng quản lý thị trường đã tiến hành kiểm tra gần 16.150 vụ, phát hiện xử lý trên 8.025 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách 46,7 tỷ đồng.

Công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, quản lý hoạt động bán hàng đa cấp, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại... được quan tâm đẩy mạnh và đổi mới phương pháp, góp phần bảo vệ và hỗ trợ thị trường trong nước phát triển lành mạnh.

**PHẦN THỨ HAI**

**GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THÁNG 12 NĂM 2016**

Kinh tế Việt Nam 11 tháng năm 2016 chuyển biến tích cực, tuy nhiên còn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức: kinh tế thế giới phục hồi chậm chưa vững chắc; tình trạng đầu tư công kém hiệu quả; hoạt động của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn…, khả năng đạt mục tiêu kế hoạch tăng trưởng năm 2016 là rất khó, vì vậy Bộ Công Thương xác định kiên định thực hiện nhiệm vụ với nỗ lực và quyết tâm cao nhất, đi thẳng vào những vấn đề cụ thể để giải quyết những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, tập trung thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định tại Chỉ thị số 08/CT-BCT ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về tập trung thực hiện các giải pháp để hoàn thành kế hoạch năm 2016; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết số 19/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP, Nghị quyết số 60/NQ-CP, Nghị quyết các phiên họp thường kỳ Chính phủ, trong tháng còn lại của năm 2016 tiếp tục tập trung và thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ đã đề ra từ đầu năm:

**I. Về sản xuất công nghiệp**

- Tập trung, ưu tiên thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ về việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ cho các Tập đoàn, Tổng Công ty, doanh nghiệp tập trung hoàn thành đúng tiến độ triển khai các Dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, sản xuất, khai thác, chế biến...

- Triển khai quyết liệt các nội dung hỗ trợ, ưu đãi quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ đã được Chính phủ ban hành ngày 03 tháng 11 năm 2015, nhằm hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực và tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

- Các đơn vị trong toàn ngành Công Thương tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục nhanh nhất các mặt còn hạn chế, yếu kém; đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh bằng những giải pháp, việc làm cụ thể, đột phá, mang lại hiệu quả thực chất; năng động, sáng tạo, quyết tâm phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

*- Đối với dầu khí:*Tiếp tục tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc đối với những dự án đầu tư chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành. Theo dõi sát diễn biến giá dầu, tập trung nguồn lực phấn đấu hoàn thành vượt mức mục tiêu kế hoạch năm 2016.

*- Đối với điện:* Tổ chức vận hành tốt các nhà máy điện; sửa chữa bảo dưỡng kịp thời, phát huy tối ưu công suất Nhà máy điện; tập trung khai thác, đưa vào vận hành hiệu quả các công trình về nguồn điện và lưới điện để sớm đưa vào sử dụng, tạo giá trị đóng góp cho tăng trưởng chung.

*- Đối với than*: Tiếp tục tập trung giải quyết lượng than tồn kho; cân đối giữa sản xuất, nhập khẩu, tiêu thụ và tồn kho than ở mức hợp lý, ổn định việc làm, đáp ứng nhu cầu than cho nền kinh tế; tiếp tục thực hiện các biện pháp mạnh tiết giảm chi phí trong tất cả các lĩnh vực để đảm bảo cân đối tài chính, thu nhập cho người lao động và chuẩn bị các điều kiện tăng sản lượng, phát triển bền vững trong các năm tới.

*- Đối với khoáng sản:* Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khoán chi phí từ sản xuất đến vận chuyển, tiêu thụ. Tiếp tục triển khai phương án giao hàng rời cho các khách hàng để tăng thị phần tiêu thụ; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện Đồng Lào Cai.

*- Đối với phân bón:* Tập trung khâu tiêu thụ sản phẩm cả trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy sản xuất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm. Tập trung giải quyết khó khăn vướng mắc đối với các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành

*- Đối với thép:* Áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo đảm cạnh tranh công bằng với hàng nhập khẩu nhưng theo dõi sát tác động của các biện pháp này tới sản xuất, tiêu dùng trong nước để có sự điều chỉnh kịp thời, nếu cần.

*- Đối với sản phẩm cơ khí*: Tiếp tục nghiên cứu và áp dụng các biện pháp bảo hộ không trái cam kết quốc tế nhưng có tác dụng thúc đẩy phát triển một số sản phẩm cơ khí trong nước; tăng cường năng lực chế tạo các thiết bị mỏ phục vụ cho sản xuất, nhất là sản xuất than hầm lò (máy đào lò, máy xúc đá, cột chống, giá thuỷ lực, băng tải, máng cào, tàu điện,...); phân công phối hợp, cung cấp - sử dụng các sản phẩm cơ khí chủ lực trong một số Tập đoàn nhằm tăng cường sử dụng các sản phẩm, dịch vụ nội bộ trong ngành. Các đơn vị chủ động thỏa thuận mua bán, sử dụng sản phẩm dịch vụ theo cơ chế đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh và tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển.

*- Đối với dệt may, da - giày:* Tập trung tháo gỡ khó khăn cho ngành, giữ vững thị trường xuất khẩu đi đôi với phát triển thị trường nội địa, mở rộng các kênh bán hàng để khai thác tối đa thị trường trong nước; khẩn trương xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dệt may để quản lý hiệu quả hơn trong dài hạn.

*- Đối với các mặt hàng tiêu dùng:* chủ động, chuẩn bị tốt nguồn hàng cho dịp cuối năm; rà soát tình hình thực hiện kế hoạch, đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch để có điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

*- Đối với công nghiệp hỗ trợ:* Triển khai có hiệu quả các giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ đã ban hành, kết hợp với liên tục hoàn thiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, phù hợp với cam kết quốc tế; Tổ chức kết nối các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước, từng bước đưa các doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu.

**II. Về xuất nhập khẩu**

- Theo dõi sát diễn biến thị trường trong nước và thế giới; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu; chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu; nâng cao tỷ trọng sản xuất hàng xuất khẩu từ nguyên liệu trong nước; đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng có tiềm năng xuất khẩu lớn.

- Tích cực đàm phám với các nước nhập khẩu có liên quan để tháo gỡ các hàng rào kỹ thuật, đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường ASEAN.

- Cung cấp, tập huấn, phổ biến thông tin về thị trường, về các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết để nâng cao nhận thức về ưu đãi thuế quan và quy tắc xuất xứ cho doanh nghiệp.

- Quản lý thị trường, kiểm soát hàng giả và hàng không đảm bảo chất lượng nhập khẩu và lưu thông trên thị trường, gây ảnh hưởng đến nguyên liệu sản xuất phục vụ xuất khẩu.

- Nghiên cứu phối hợp với các Hiệp hội ngành hàng, địa phương để đào tạo chuyên ngành (thiết kế, thời trang, marketting...) và nguồn nhân lực tay nghề cao tại các Trường, Viện thuộc Bộ cho các ngành xuất khẩu chủ lực.

- Tập trung kinh phí và thực hiện hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại cho các mặt hàng đang gặp khó khăn về giá, về thị trường; lựa chọn và tập trung xây dựng thương hiệu cho một số ngành chủ lực như dệt may, thủy sản, trái cây, gạo...

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu các biện pháp cụ thể triển khai, khai thác triệt để những kết quả tích cực đã đạt được tại buổi làm việc giữa Bộ trưởng Bộ Công Thương với Bộ trưởng Thương mại Trung Quốc và Tổng cục trưởng AQSIQ nhằm tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan theo dõi tình hình triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy xuất khẩu những tháng cuối năm đã được Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 6907/BCT-CNK ngày 27/7/2016 và Phó Thủ tướng Chính phủ Trình Đình Dũng đã có chri đạo các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương xem xét, xử lý tại công văn số 6817/VPCP-KTTH ngày 17/8/2016.

- Tiếp tục thực hiện các biệp pháp đã đề ra đối với một số mặt hàng cụ thể:

***Thủy sản:***

+ Tiếp tục theo dõi sát và vận động Hạ viện Hoa Kỳ thông qua Nghị quyết hủy bỏ Chương trình giám sát cá da trơn.

+ Tiếp tục đôn đốc AQSIQ thực hiện các biện pháp đã trao đổi tại buổi làm việc giữa Bộ trưởng Bộ Công Thương với Tổng cục trưởng AQSIQ nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong xuất khẩu thủy sản.

***Rau quả***

+ Tập trung tháo gỡ rào cản kỹ thuật, đẩy nhanh tốc độ xem xét các báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại và quy định kiểm dịch thực vật (PRA) để mở cửa xuất khẩu chính thức một số loại trái cây, cụ thể tại Trung Quốc (đối với bưởi da xanh, sầu riêng, măng cụt, roi), tại Đài Loan (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm); tại Nhật Bản (thanh long ruột đỏ, vải thiều); Hàn Quốc (vú sữa, nhãn, vải, chôm chôm); tại Úc (thanh long); tại Hoa Kỳ (xoài, vú sữa).

+ Tiếp tục đôn đốc AQSIQ sớm xem xét việc mở thêm các cửa khẩu nhập khẩu rau quả trong thời gian tới như đã trao đổi tại buổi làm việc giữa Bộ trưởng Bộ Công Thương với Tổng cục trưởng AQSIQ.

***Gạo***

+ Tăng cường xúc tiến thương mại, rà soát thực hiện tốt các thỏa thuận của Chính phủ về thương mại gạo với một số nước; tập trung đẩy mạnh khai thác thị trường mới, thị trường tiềm năng như tại châu Phi.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp gạo của Việt Nam cải thiện năng lực công nghệ và thương mại quốc tế để tham gia vào chuỗi giá trị gạo toàn cầu; tham gia mạng lưới sản xuất, phân phối gạo và các sản phẩm từ gạo ở nước ngoài.

***Dệt may, giày dép***

+ Tập trung các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu, quảng bá sản phẩm sang các thị trường, đặc biệt là Hoa Kỳ và các thị trường thuộc EU.

**III. Về phát triển thị trường trong nước**

- Tiếp tục bám sát diễn biến thị trường trong nước; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp để bảo đảm kiểm soát được chỉ số giá tiêu dùng ở mức hợp lý (dưới 5%) theo chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

- Theo dõi sát diễn biến thị trường, giá cả các mặt hàng thiết yếu, đồng thời phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan đánh giá cung cầu các mặt hàng nhất là các mặt hàng lương thực, thực phẩm, vật tư nông nghiệp thiết yếu để chủ động có phương án hoặc đề xuất với Chính phủ các biện pháp đảm bảo cung ứng đủ nguồn hàng, bình ổn giá, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống, không để ra tình trạng thiếu hàng sốt giá.

- Tập trung chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý duy trì hoạt động sản xuất các mặt hàng thiết yếu đảm bảo cung ứng đủ cho sản xuất và đời sống nhân dân.

- Triển khai các Chương trình dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường; kết hợp triển khai các Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, về khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các hoạt động kết nối cung cầu, hợp tác thương mại vùng miền nhăm thúc đẩy tiêu thụ và tạo nguồn hàng bình ổn phục vụ thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

- Triển khai chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, mở rộng thị trường trong và ngoài nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông sản, thủy sản của các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, hộ nuôi trồng trong nước đến các nhà phân phối (hệ thống siêu thị, chuỗi các cửa hàng cung cấp sản phẩm nông sản, thủy sản và các chợ đầu mối, các chợ dân sinh kinh doanh nông sản, thủy sản).

- Xúc tiến thành lập các văn phòng đại diện, văn phòng xúc tiến thương mại ở các thị trường trọng điểm, để chủ động, kịp thời cung cấp thông tin, đề xuất những chương trình hợp tác nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông sản, thuỷ sản.

- Tiếp tục nhân rộng mô hình tiêu thụ nông sản, cung ứng vật tư nông nghiệp theo Quyết định 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020”.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan, trước hết là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn thay thế Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ để vừa thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, vừa phát triển các hoạt động hỗ trợ và phát triển thị trường.

- Nghiên cứu đổi mới phương thức kinh doanh nông sản, đề xuất các biện pháp, chính sách nhằm quản lý chặt chẽ hơn hoạt động của các thương lái.

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng chức năng nâng cao công tác quản lý,  kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm của thương nhân, kể cả thương nhân nước ngoài mua bán hàng hóa tại Việt Nam...

**IV. Các biện pháp khác**

- Tập trung triển khai các Nghị quyết, kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (Khóa XII), các Nghị quyết của Kỳ họp thứ 2 Quốc hội Khóa XIV và các nội dung đã cam kết tại kỳ họp.

- Tích cực tuyên truyền về các lợi ích do các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới mang lại cũng như các giải pháp nhằm tận dụng những lợi thế đó; tuyên truyền chuyên sâu về hội nhập theo từng ngành hàng tới các Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp nắm bắt và có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp.

- Tập trung nguồn lực để bảo đảm hoàn thành có chất lượng 100% kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chương trình công tác năm 2016 được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Thực hiện nghiên túc Thông tư số 05/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 quy định về dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương nhằm tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức cá nhân trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính tại Bộ Công Thương.

- Thực hiện các biện pháp nâng cấp hạ tầng để triển khai 52 thủ tục hành chính qua hình thức dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4, nâng tổng số các thủ tục dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương lên 205 dịch vụ. Phấn đấu đến hết năm 2016 hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 đối với 100% thủ tục hành chính ở cấp Trung ương và ở cấp độ 4 là 30%./.